

Tết Nguyên Đán

ISSN: 2734-9195

10:07 09/02/2024

Tết Nguyên Đán là dịp mà ở đó, các tục lệ được diễn ra nhiều nhất trong năm như tục tắm tất niên, mặc quần áo mới, nói lời hay ý đẹp, chúc tụng...

Tết Nguyên Đán là dịp mà ở đó, các tục lệ được diễn ra nhiều nhất trong năm như tục tắm tất niên, mặc quần áo mới, nói lời hay ý đẹp, chúc tụng, hái lộc, lì xì lấy may, xuất hành, xông đất....

Tác giả: **Nguyễn Thị Ngọc Anh**, Nhóm nghiên cứu Cổ Phong

Tết Nguyên Đán là lễ hội truyền thống lớn nhất trong năm của người Việt, với hàng loạt chuỗi các hoạt động nối đuôi nhau phản ánh sâu sắc các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc ta. Tuy nhiên, không phải ai cũng có hình dung rõ nét nhất về nguồn gốc cũng như ý nghĩa của tập tục này.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi xin được trình bày khái quát nhất về ngày Tết cổ truyền của người Việt.

1. Từ nguyên

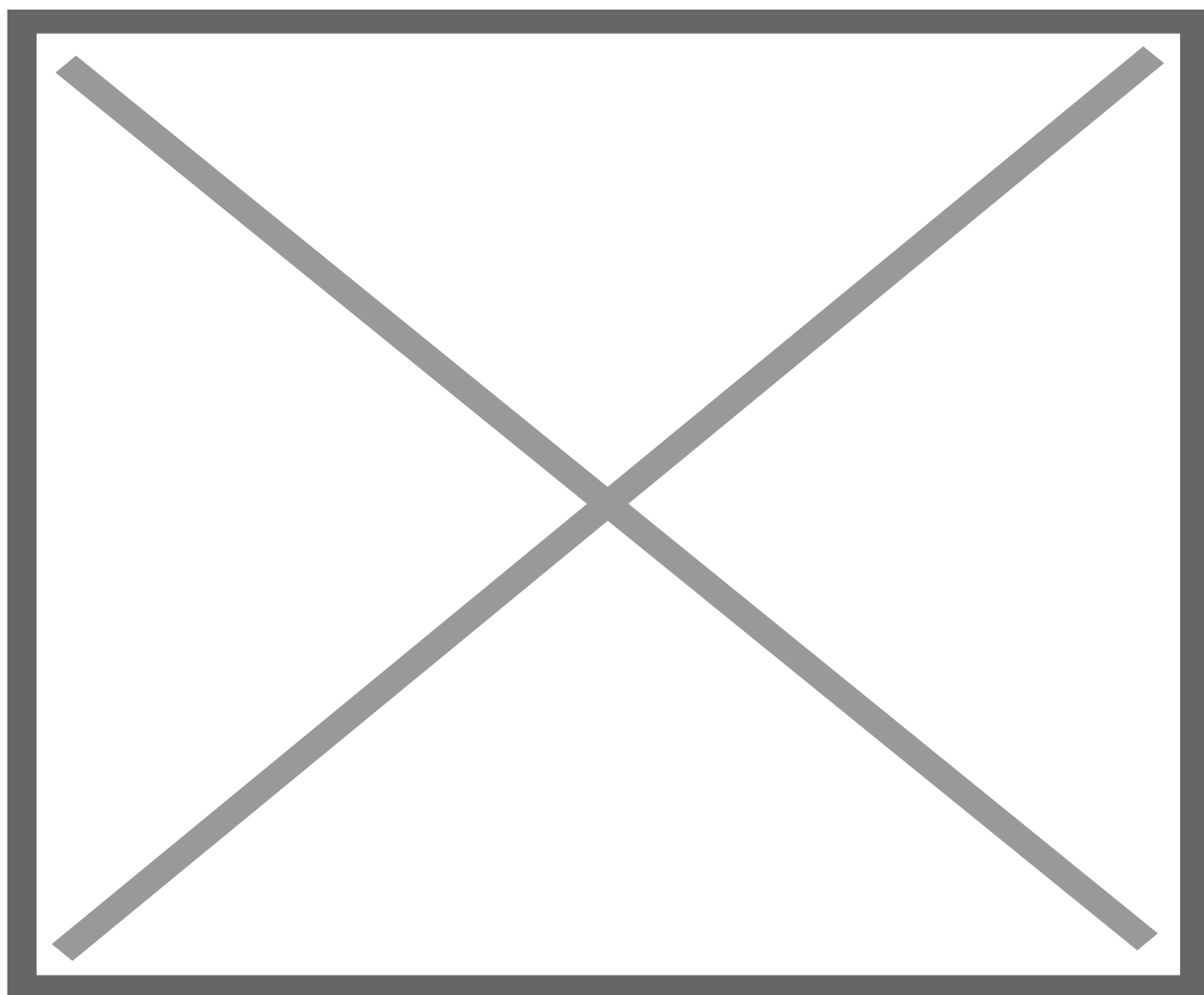
Tết Nguyên Đán (元旦) hay còn gọi là Nguyên Chính (元正)/ Nguyên Sóc (元朔)/ Nguyên Nhật (元日), vốn là từ có nguồn gốc Hán. Về từ Tết và Tiết theo giáo sư Nguyễn Tài Cẩn[1] thì “Tết và tiết đều bắt nguồn từ âm đọc trong tiếng Hán trung cổ của chữ “節” “tết” xuất hiện trước “tiết”, vào giai đoạn chữ “tiết” 節 có âm đọc trong tiếng Hán trung cổ là /tết/. “Tiết” xuất hiện sau “tết”, vào giai đoạn âm đọc trong tiếng Hán trung cổ của chữ “tiết” 節 đã biến đổi thành /tiết/.

Ban đầu cả “tết” và “tiết” đều được phát âm giống như âm đọc của chữ “tiết” 節 trong tiếng Hán ở thời điểm chúng được tiếng Việt vay mượn, về sau do sự biến đổi của ngữ âm tiếng Việt cách phát âm của chúng đã thay đổi thành “tết” và “tiết” như hiện nay”[2]. Như vậy có thể hiểu Tết và Tiết đều có nguồn gốc từ cách đọc Hán – Việt, ngày nay chúng ta dùng Tết nhiều hơn thay vì Tiết.

Đó là cách đọc, còn về phần nghĩa, từ Tết mà ngày nay chúng ta quen dùng có cùng gốc với từ Tiết (節), Tiết có nhiều nghĩa, nhưng nghĩa được dùng rộng hơn cả là chỉ các khí tiết trong một năm âm lịch (“nhị thập tứ tiết khí” 二十四節 hai mươi bốn tiết trong năm). 24 điểm tiết khí (節氣) trong một năm là cách tính các mốc thời gian trong một năm Âm lịch của cư dân nông nghiệp vùng Đông Á – Đông Nam Á.

Về phần từ nguyên của từ Nguyên Đán (元旦) thì Nguyên (元) có nghĩa là “mới” , “đầu tiên”; còn Đán (旦) là buổi sáng tinh mơ. Như vậy, Nguyên Đán là buổi sáng đầu tiên, và “buổi sáng đầu tiên” này ban đầu chỉ buổi sáng đầu tiên của 24 khí tiết trong một năm âm lịch (Nông lịch). Về sau Tết/Tiết Nguyên Đán dần trở thành một ngày lễ lớn trong năm, ngày đầu tiên của một chu kỳ canh tác của cư dân nông nghiệp.

[caption id="attachment_25506" align="aligncenter" width="800"]



Tết xưa - Họa sĩ Trần Nguyên[/caption]

2. Nguồn gốc Tết Nguyên Đán

Nằm trong khu vực đồng văn Hán tự[3]. Về cơ bản, các giá trị văn hóa của Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản ít nhiều đều chịu ảnh hưởng ở những khía cạnh khác nhau, với mức độ đậm nhạt khác nhau. Chính sợi dây liên kết chặt chẽ này khiến rất nhiều các giá trị văn hóa ở các nước thuộc khu vực “ngoại biên” Trung Hoa dễ bị lầm tưởng là bắt nguồn từ Trung Quốc. Ở đây, Tết Nguyên Đán một cái Tết chung cho cả nền văn minh Á Đông cũng bị hiểu lầm có nguồn gốc từ người Hán.

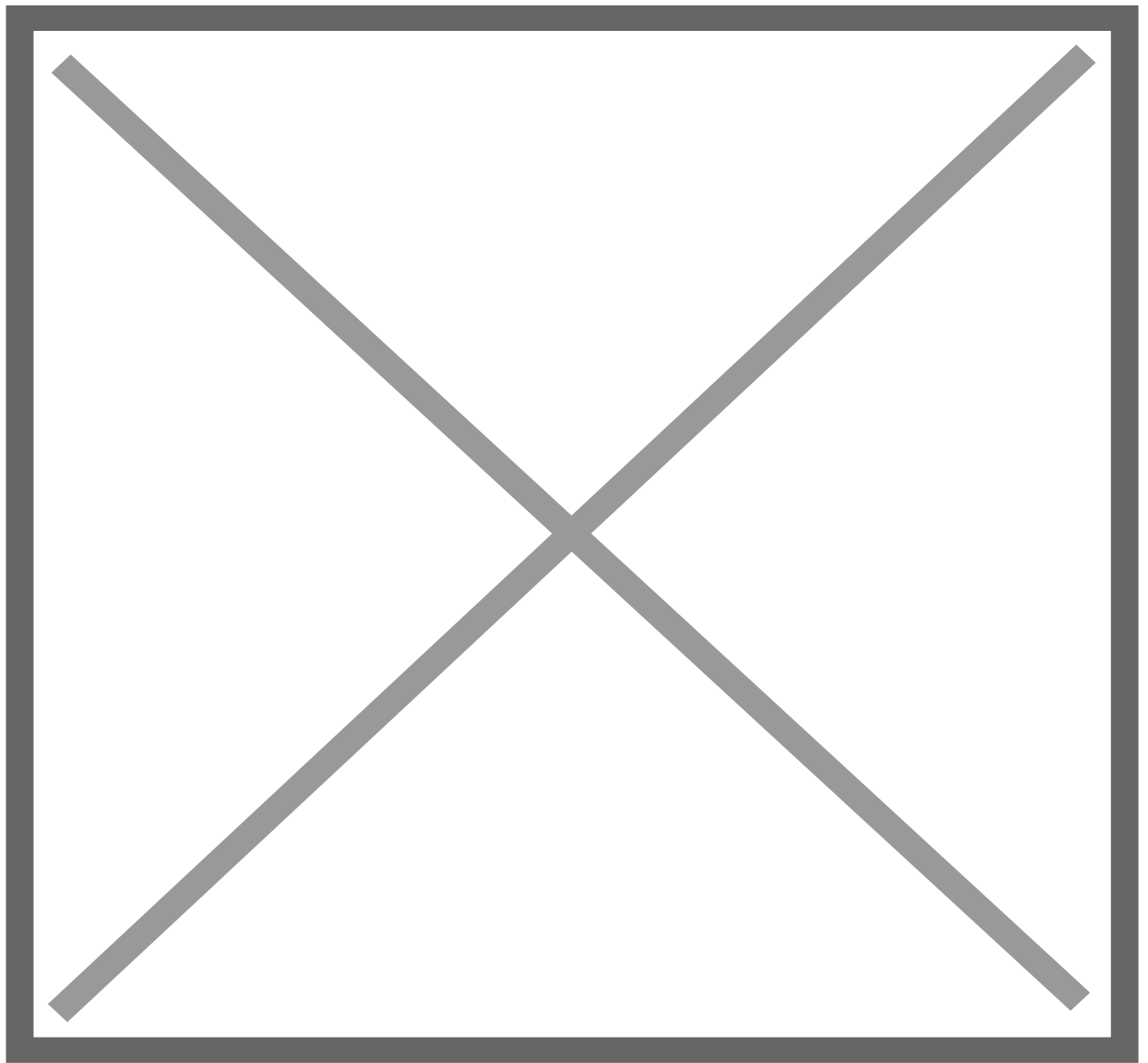
Trải qua quá trình tương tác và giao thoa văn hóa với phương Bắc, rất nhiều giá trị văn hóa nước ta là sự tổng hòa, giao thoa giữa hai nền văn hóa Việt, Hoa trên hai phương diện: cưỡng bức và chuyển thể văn hóa riêng của người Việt và tự nguyện. Trong đó, tộc Việt là tộc chịu ảnh hưởng sớm và mạnh mẽ nhất, đặc biệt vào thời Hán Vũ đế (111 trước Tây Lịch).

Cũng rõ nhất vào thời Hán Vũ đế dân tộc Việt mới từng bước cụ thể việc du nhập nền văn hóa theo cả hai con đường tự nguyện – cưỡng bức và chuyển thể văn hóa riêng của người Việt; **Tết Nguyên Đán** là một ví dụ điển hình cho sự giao thoa ấy.

Điểm qua một số tư liệu có đề cập đến **Tết Nguyên Đán** như An Nam phong tục sách của Mai Viên Đoàn Triển ((1854 – 1919); Nghi lễ cúng gia tiên của Minh Đường; Tết cổ truyền của người Việt của Lê Trung Vũ; Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam của Nguyễn Văn Huyền (1905 – 1975)... Chúng tôi thấy rằng các tác giả trình bày rất chi tiết và có hệ thống về các lễ nghi, phong tục có trong ngày Tết Nguyên Đán.

Tuy nhiên, hầu hết các công trình của các học giả mới chỉ dừng lại ở mức độ khảo cứu mang tính khái quát mà chưa đi sâu, tìm về cội rễ, căn nguyên của **Tết Nguyên Đán**. Xuất phát từ những trăn trở trên, ở bài viết này chúng tôi tiến hành đi truy nguyên nguồn gốc Tết Nguyên Đán.

Việc đi tìm cội nguồn Tết Nguyên Đán của người Việt trước nhất chúng ta phải nhìn lại các dữ kiện được ghi chép lại trong chính sử của Trung Hoa, điều này khả dĩ cho phép chúng ta truy nguyên được lý do, nguyên nhân cho việc hình thành nên **Tết Nguyên Đán** của nền văn minh Á Đông nói chung.



Dấu hiệu đầu tiên cho việc hình thành nên một cái Tết chung trong toàn bộ Trung Hoa lục địa là việc Tần Thủy Hoàng thống nhất được Trung Hoa vào năm 221 trước TL; trước đó, vào thời nhà Chu các nước chư hầu nối đuôi nhau hình thành và ở mỗi một nước chư hầu đều có nền tảng văn hóa riêng biệt (từ ngôn ngữ, văn hóa, phục trang...) với nhà Chu.

Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa và cho thống nhất luôn cả chữ viết, hệ đo lường... dùng lịch “kiến Hợi”[4] để quán xuyên quốc gia, từ nhà Tần về sau, các vương triều cai trị Trung Hoa đều ý thức rất rõ việc tập trung quyền lực tối ưu nhất về tay mình. Nhà Tần tồn tại không quá lâu, sau đó, chính quyền rơi vào tay nhà Hán. Đầu thời Hán, về cơ bản mọi cơ chế quản lý đất nước vẫn dựa theo mô hình của nhà Tần, tức là dùng Pháp gia để quản trị đất nước.

Năm 140 TTL vào đời Hán Vũ đế, ông đã cho cải cách nền chính trị của quốc gia bằng việc “Bãi truất Bách gia, độc tôn Nho học”; đây có thể được xem là cuộc cải cách lớn nhất và quan trọng bậc nhất trong lịch sử Trung Quốc suốt 2000

năm về sau.

Khi lên ngôi Hán Vũ đế quy định dùng lịch “kiến Dần”[5] trong sinh hoạt, và việc sử dụng lịch “kiến Dần” ở đây biện giải cho việc Hán Vũ đế đang muốn quay trở lại với những thành tựu ban đầu của nhà Hạ, trước đó nhà Hạ một triều đại huyền sử trong lịch sử Trung Hoa sử dụng lịch “kiến Dần” trong sinh hoạt.

Nhưng theo như các nguyên cứu gần đây, đặc biệt là nghiên cứu của Trần Quốc Vượng thì lịch “Kiến Dần” không có nguồn gốc từ nhà Hạ.

Trong bài viết, đăng trên Tạp chí Khoa học Xã hội thuộc Đại học Tổng hợp Hà Nội 1988, Trần Quốc Vượng cho rằng: “Lịch Kiến Dần không phải lịch nhà Hạ mà là sự tham khảo “Kinh Sở tuế thời ký” của miền Kinh Sở ở Hoa Nam trong bối cảnh của nền văn minh lúa nước.

Âm dương lịch là sự phối kết lịch can chi Hoa Bắc và lịch 12 con vật của miền Việt cổ (Bách Việt)”[6] . Đi tới kết luận Trần Quốc Vượng gọi đó là Lịch Hoa Việt”[7] hay âm dương lịch. Lịch này chính là sản phẩm của lối tư duy tổng hợp kết hợp cả chu kỳ mặt trăng lẫn mặt trời của vùng văn minh nông nghiệp lúa nước mà trong bài về Tết được đăng trên tạp chí Indochina, học giả Nguyễn Văn Huyền cũng khẳng định “Tết, theo cả sự diễn biến của mặt trăng với mặt trời”[8]. Do đó, Tết được xác định là nương theo lịch này.

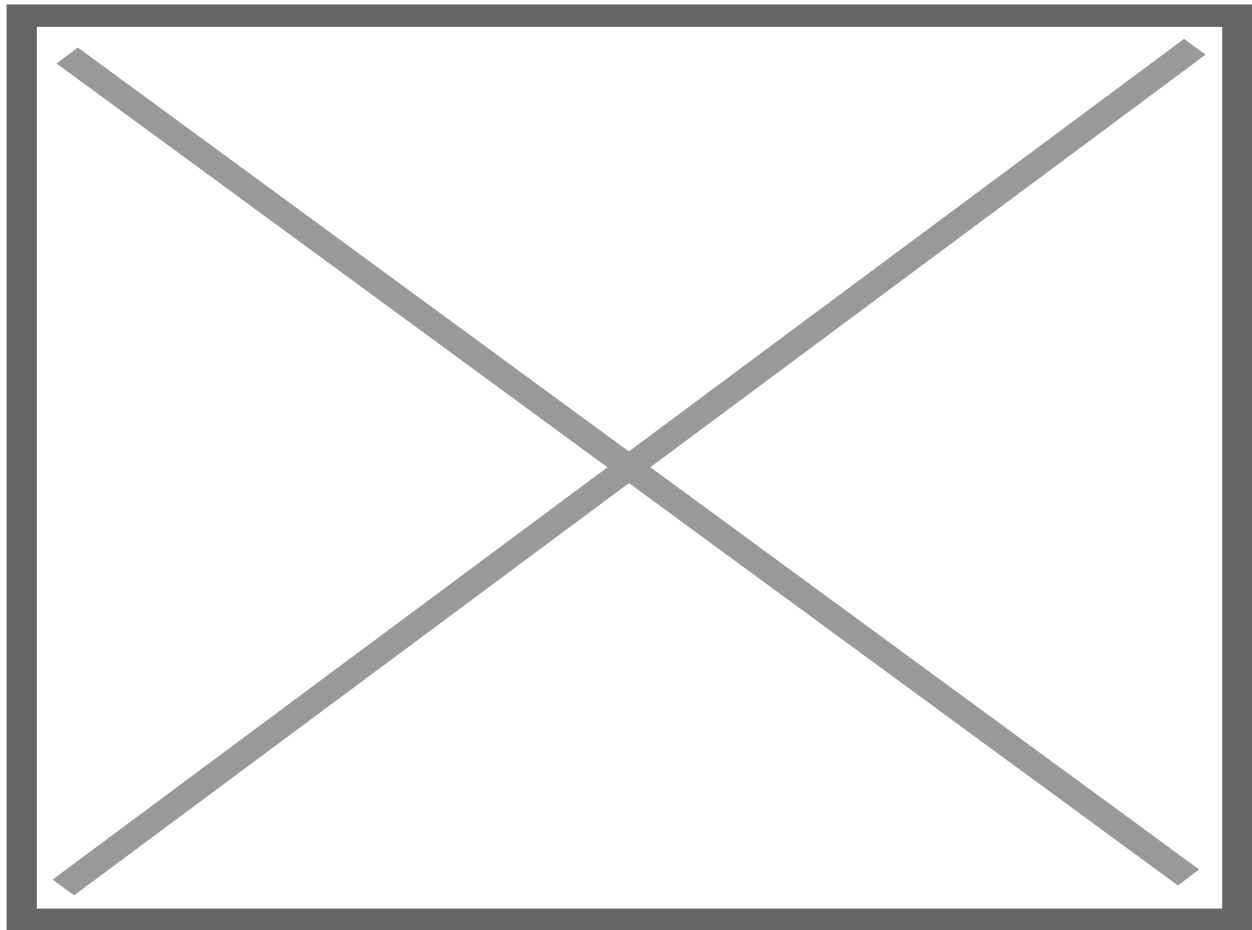
Trở lại vấn đề này, nhà nghiên cứu Trần Quốc Vượng cho rằng vào thời Hán, các vua nhà Hán cùng Hán Vũ Đế cho thi hành lịch này ở mảnh đất Nam Giang thuộc phía nam của hạ lưu sông Trường Giang (vùng Hoa Nam). Nơi đây là trung tâm sản xuất nông nghiệp, vừa lúa chính của Trung Hoa. Chính vì vậy từ đời Hán, lịch để xác định thời vụ sản xuất nông nghiệp phải nương theo miền khí hậu thời tiết của miền Hoa Nam Bách Việt Cổ.

Như vậy, việc nhà Hán cho rằng lịch “Kiến Dần” có nguồn gốc từ nhà Hạ là không có cơ sở, mà trước hết lịch “Kiến Dần” ở đây phải là lịch của cộng đồng người Hoa Nam Bách Việt Cổ.

Có thể nói, lịch “Kiến Dần” chỉ là cách gọi lại của nhà Hán, nó chỉ được sinh ra từ nhu cầu quản lý đất nước hơn là sự quay trở lại với nhà Hạ theo những tuyên bố trước đó.

Qua những dẫn chứng trên, ta có thể thấy rằng, Tết Nguyên Đán thực chất bắt nguồn từ cộng đồng Bách Việt cổ, nó gắn liền với sinh hoạt, đời sống của cư dân lúa nước. Sau này, khi người phương Bắc tràn xuống phía Nam, qua thời gian dài hỗn dung với văn hóa người phương Bắc, Tết Nguyên Đán đã biến thành một cái Tết chung cho các khu vực đồng văn – Hán tự.

[caption id="attachment_25488" align="aligncenter" width="715"]



Pháo hoa đêm Giao thừa. Ảnh: St[/caption]

3. Tết Nguyên Đán với tư cách là một hình thái văn hóa dân gian

Khi xã hội phân chia thành giai cấp một cách thành thực cũng là lúc nền văn hóa dân tộc được phân chia một cách rõ ràng nhất gồm: Văn hóa bác học và văn hóa dân gian. Chính vì vậy, rất nhiều hình thái văn hóa dân gian được giới quý tộc (giai cấp thống trị) tuyển chọn, chuẩn hóa và phổ cập trong xã hội. Tết cũng không nằm ngoài vòng ảnh hưởng đó. Tết được tầng lớp quý tộc thực thao theo những nghi thức mang tính chuẩn mực cao.

Tuy nhiên, về căn bản Tết vẫn mang hình thái của văn hóa dân gian, thật khó có thể tìm thấy sự đối chọi trong văn hóa Tết giữa tầng lớp thượng lưu và tầng lớp bình dân. Như vậy, về căn bản Tết vẫn giữ được nét văn hóa cổ truyền mà chưa có sự phân tách của văn hóa dân gian và văn hóa bác học. Chúng tôi xin được lạm phép gọi đó là văn hóa dân tộc cổ truyền và trình bày những biểu thị văn hóa của Tết dưới góc độ văn hóa dân gian.

Tại Việt Nam, **Tết Nguyên Đán** được xác định là thời điểm bắt đầu từ 23 tháng Chạp năm cũ đến (ít nhất) là mừng 7 tháng Giêng năm mới. Đây là khoảng thời gian quan trọng nhất năm gắn liền với chuỗi các phong tục cổ truyền của người Việt, có thể ví như lễ Noel của các nước theo Kitô giáo.

Chuỗi các hoạt động trước Tết được khởi đầu bằng lễ cúng ông Táo về trời được cử hành vào ngày 23 tháng Chạp. Ông Táo, Táo Công hay Táo Quân (Vua Bếp) đóng vai trò rất quan trọng trong mỗi gia đình, ông vừa là vị thần che chở, đồng thời cũng là người giám sát, ghi chép mọi diễn biến tốt xấu trong cả một năm của gia đình đó để “ báo cáo” với Ngọc Hoàng.

Chính vì quan niệm trên mà lễ cử hành tiễn ông Công, ông Táo về trời được diễn ra rất trọng thể. Lễ vật gồm: 2 mũ nam, 1 mũ nữ và ba con cá chép vàng. Ngoài ra, nhiều gia đình còn có thêm cỗ mặt xôi, gà, rượu,... các nghi lễ được diễn ra trang nghiêm trong gian bếp, gia chủ sẽ thắp hương nghiêm cẩn khẩn cầu thần bếp phù hộ cho gia đình và tha thứ cho những lỗi lầm gia đình đã phạm phải trong năm vừa qua.

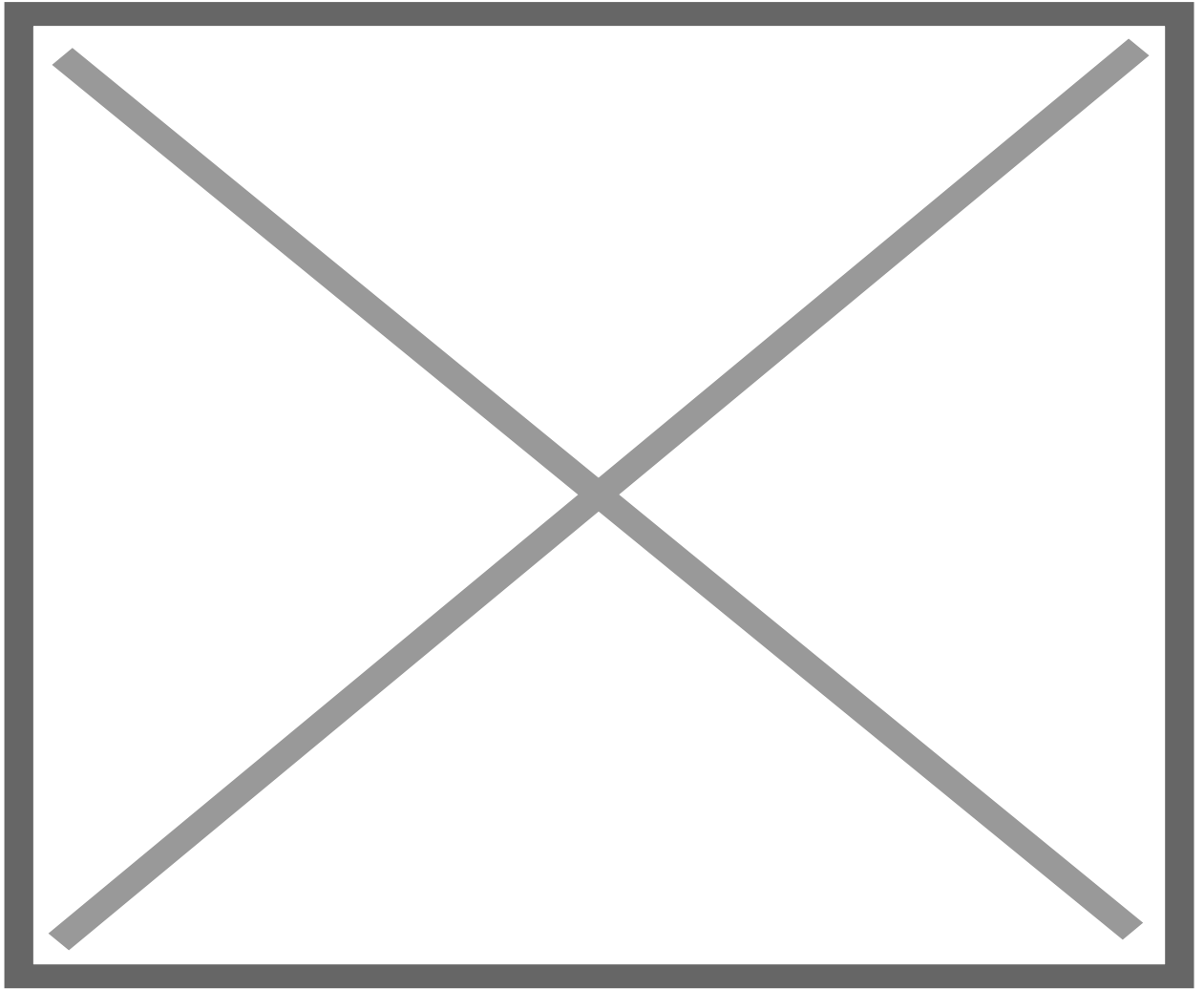
Vào những ngày này tất cả mọi công việc làm ăn, đồng áng buôn bán sẽ tạm dừng, không ai vào rừng khai thác, thu lượm. Đối với các công việc nhà nước, sau khi đã làm lễ hạ ấn tức niêm phong mọi con dấu, ấn triện, các công thư huyện - tỉnh - trấn xứ và triều đình đều đóng cửa, nghỉ việc, ngay cả trại giam cũng không tiếp nhận tù nhân mới.

Nghi thức quan trọng thứ hai sau lễ cúng ông Táo là giây phút giao thừa. Tục ta có câu: “Tối như đêm ba mươi” nghĩa rằng: đêm ba mươi là “thái cực” của vòng quay thời gian một năm vì thế đây chính là thời điểm “thiên” nhất trong năm, thời khắc chuyển giao giữa năm cũ và năm mới, được quan niệm như sự giao hòa âm dương, phối ngẫu đất trời, để từ trong cái chết cũ nảy sinh ra sự sống mới.

Chính vì vậy, lễ đón giao thừa cũng được cử hành long trọng, trang nghiêm với đầy đủ các lễ vật như xôi, gà, rượu mà đối tượng được cử hành lễ chính là “mười hai vị đại vương hành khiển”. Đây chính là các vị thần cai quản cõi nhân gian. Mỗi ông đã đảm nhiệm một năm bắt đầu từ năm Tý và kết thúc vào năm Hợi. Các vị thần này có nhiệm vụ xem xét các việc hay dở của từng gia đình, thôn xã,... để định công luận tội tâu lên thượng đế.

Nguyên thủy, lễ đón các vị quan hành khiển được cử hành tại nhà văn hóa cộng đồng gọi là công lễ. Điều này phản ánh rõ nét nhất văn hóa dân tộc của người Việt - tính cộng đồng, làng xã. Ngày nay, lễ này không còn tổ chức tập trung mà thay vào đó là được tiến hành riêng lẻ tại tư gia do những biến đổi về lịch sử, xã

hội.



Trong những ngày Tết khoảng 3 đến 5 ngày. Đặc biệt vào buổi sáng mừng một các gia đình đều dậy từ rất sớm, sửa soạn cỗ cúng tổ tiên. Mâm cơm thờ cúng tổ tiên phải thịnh soạn và trang trọng nhất. Do vị trí địa lý, khí hậu đã quy định lối sinh hoạt của người Việt “trời nóng sốt, dân ưa tắm ở sông (...), Tiếp khách thì đãi trầu cau. Tính ưa ăn dưa, mắm và những vật dưới biển (...) hay uống rượu, thường uống quá độ”[9] chính vì vậy, vào ngày Tết không thể thiếu các món ăn truyền thống như: Giò, chả, thịt mỡ. Dân gian ta có câu:

Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ

Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh.

Bên cạnh đó, người Việt rất coi trọng tình cảm gia đình, Tết chính là ngày đoàn viên, dù buôn ba nơi đâu, vào những ngày Tết họ cũng cố gắng thu xếp công việc quay về cố hương, sum họp gia đình, cộng cảm cùng thân quyến nội ngoại.

Tháng giêng ăn tết ở nhà.

Ngoài ra, họ còn rất coi trọng đạo lý “uống nước nhớ nguồn” được thể hiện qua thể ứng xử trong ba ngày Tết.

Mùng một Tết cha

Mùng hai Tết mẹ, mùng ba Tết thầy.

Đây chính là đạo đức hiếu lễ, tôn sư trọng đạo của “nho phong”.

Có thể nói, Tết Nguyên Đán là dịp mà ở đó, các tục lệ được diễn ra nhiều nhất trong năm như tục tắm tất niên, mặc quần áo mới, nói lời hay ý đẹp, chúc tụng, hái lộc, lì xì lấy may, xuất hành, xông đất....

Bên cạnh đó, người Việt còn “tránh đi tất cả những cái gì có thể là điềm gở đem lại sự không may mắn quanh năm”[10] vì thế, dân ta đã đặt ra những điều kiêng kỵ trong những ngày Tết như: kiêng cho vay tiền, kiêng cho lửa, kiêng làm đổ vỡ các đồ như ấm, chén, bát, nhà mới có tang không đến nhà người khác vào đầu năm mới. Tựu chung lại, tất cả những việc làm trên chỉ nhằm mục đích mong một năm mới tốt lành, an khang thịnh vượng.

Sau ba đến năm ngày, các gia đình sẽ lần lượt làm lễ hóa vàng, lễ này được cử hành rất long trọng với ý nghĩa tiễn ông bà tổ tiên về lại thế giới bên kia. Độ chừng mồng 7 Tết là lễ khai hạ. Đây khoảng thời gian bắt đầu điểm kết thúc của Tết Nguyên Đán. Các hoạt động thường nhật được diễn ra bình thường. Người đi nương, rẫy sẽ làm lễ “mở cửa rừng”, còn với triều đình thì làm lễ “khai ấn”.

Khoảng thời gian Tết là thời điểm nông nhàn “tháng Giêng là tháng ăn chơi” “tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè” các hoạt động sinh hoạt cộng đồng được diễn ra như đình đám, hội hè được diễn ra rải rác suốt các tháng xuân với nhiều phong tục, lễ hội đặc trưng của từng vùng miền.

Có thể nói nhờ vào sự kết hợp giữa mặt trăng và mặt trời, Tết hiện lên như một sự khởi đầu mới, một sự sống mới bắt đầu, kết thúc những tháng ngày tẻ nhạt để bắt đầu một năm với với những ước nguyện sẽ thành hiện thực. Chính vì lý do đó Tết vẫn luôn tồn tại, bất chấp sự khắc nghiệt của thời đại, sự rời rạc về những quan niệm đạo đức mới hay những phản xạ tâm lý xã hội mới trong thời kỳ hội nhập và nhiều biến động như hiện nay.

Tác giả: **Nguyễn Thị Ngọc Anh**, Nhóm nghiên cứu Cổ Phong

